

Số: 64/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

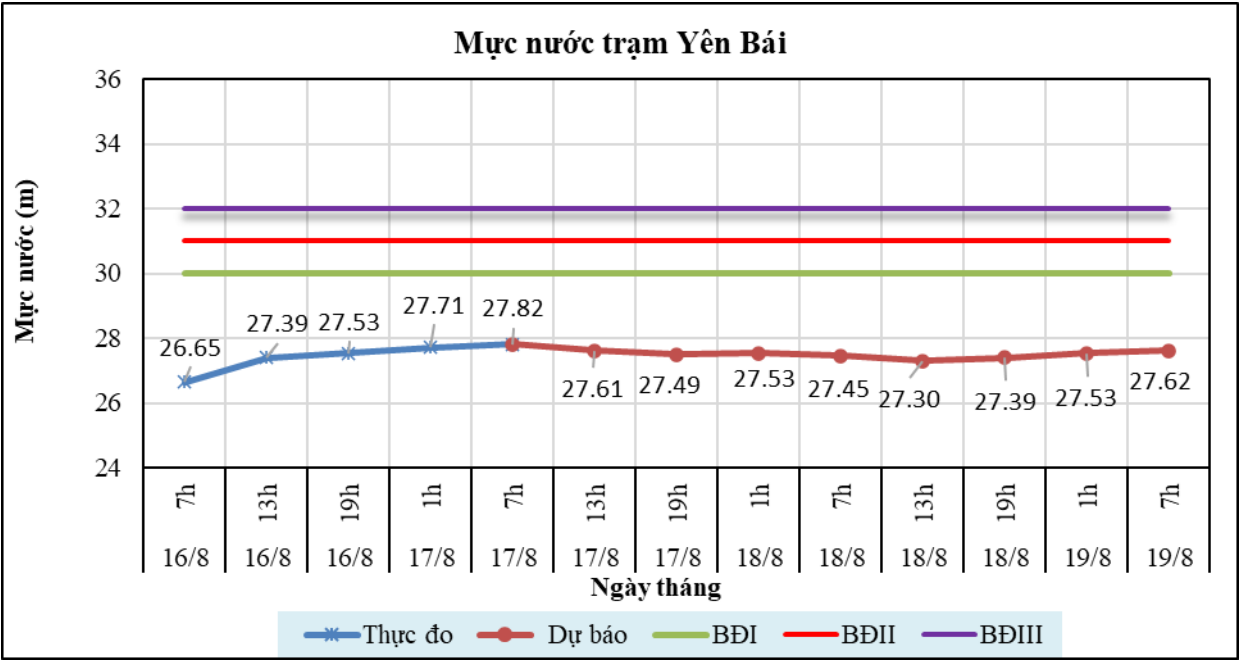
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

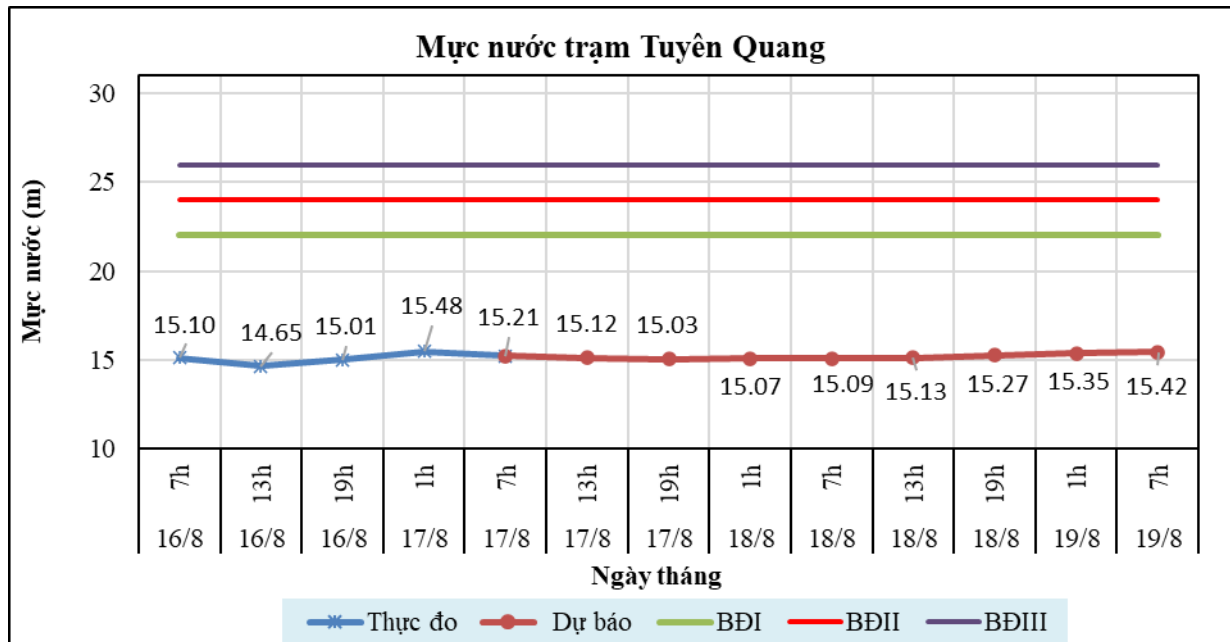
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

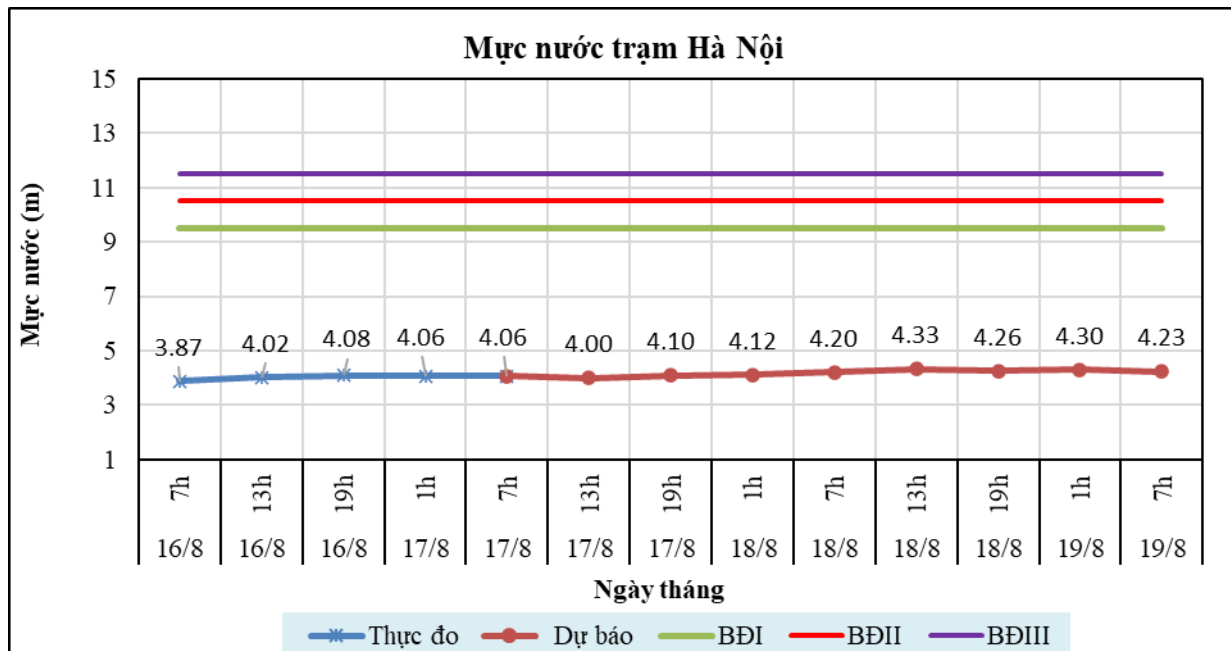
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

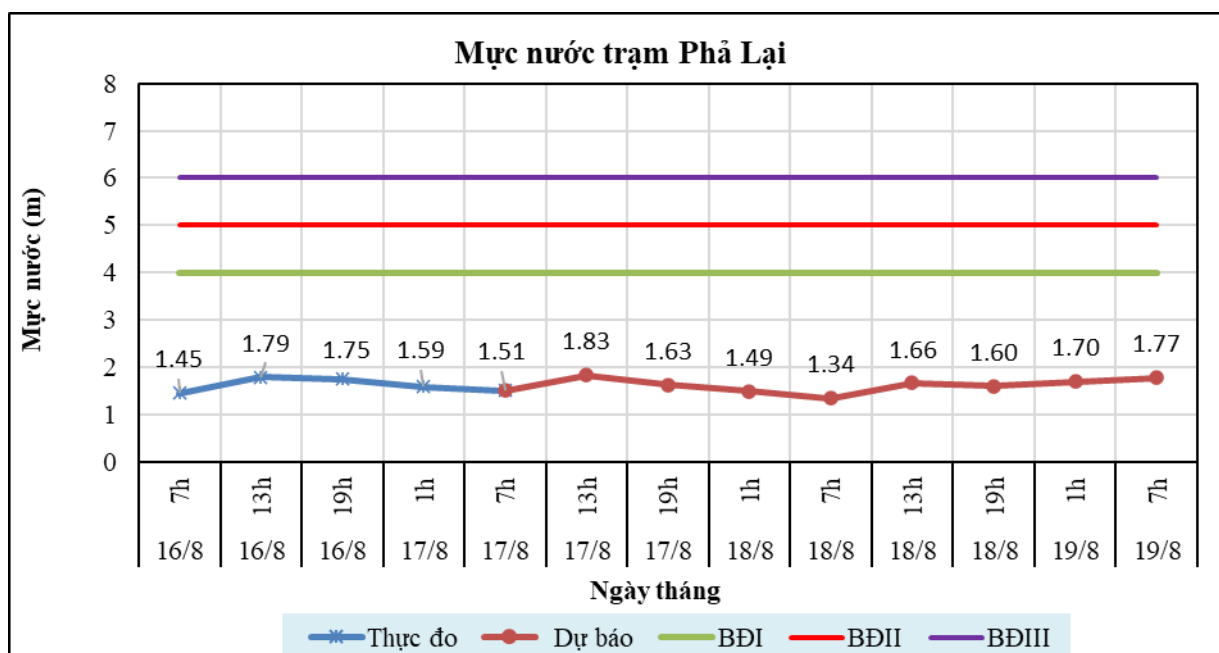
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

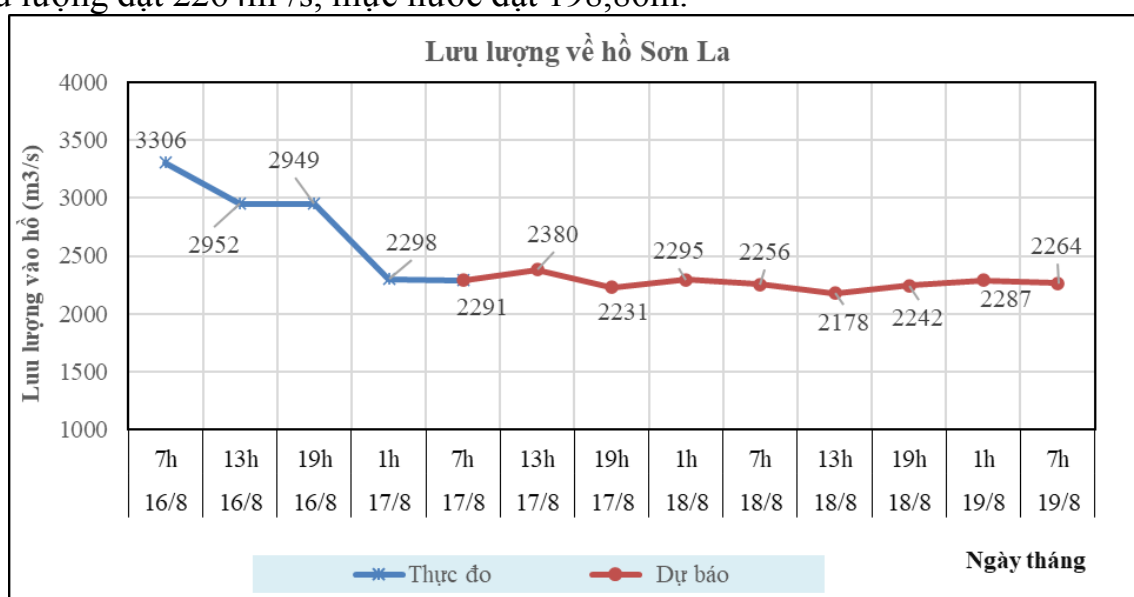
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

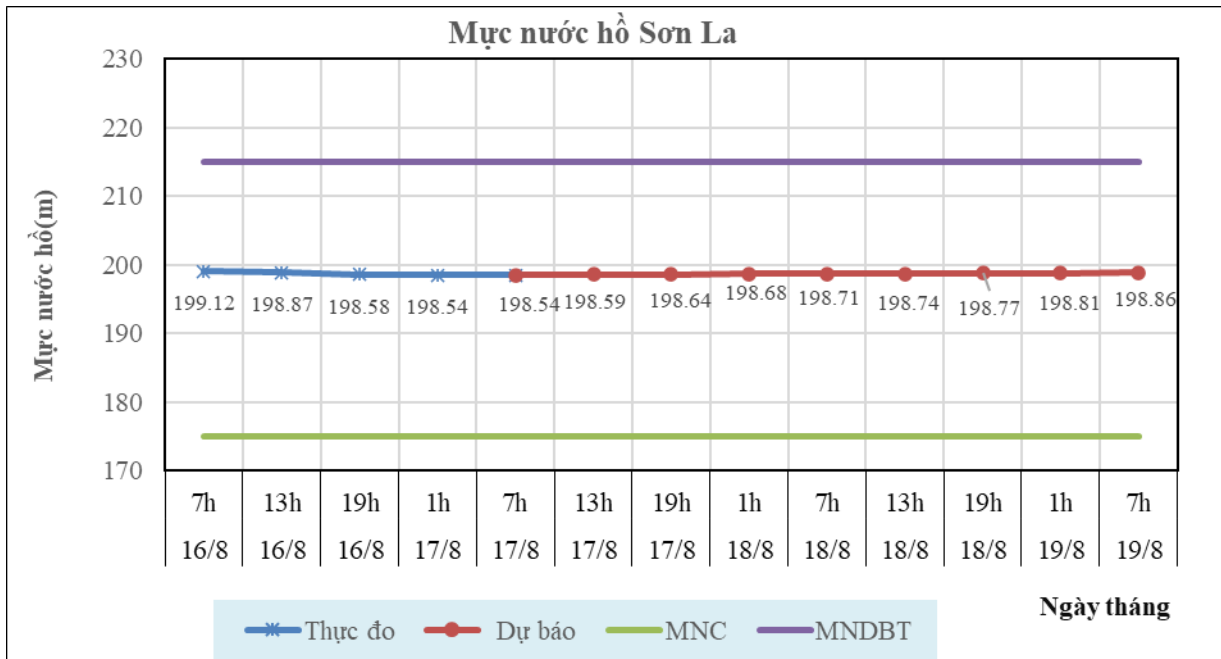
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 17/08/2025 đạt $2291\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 198,54m, lưu lượng có xu thế giảm, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $2256\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 198,71m, 48h tới lưu lượng đạt $2264\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 198,86m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

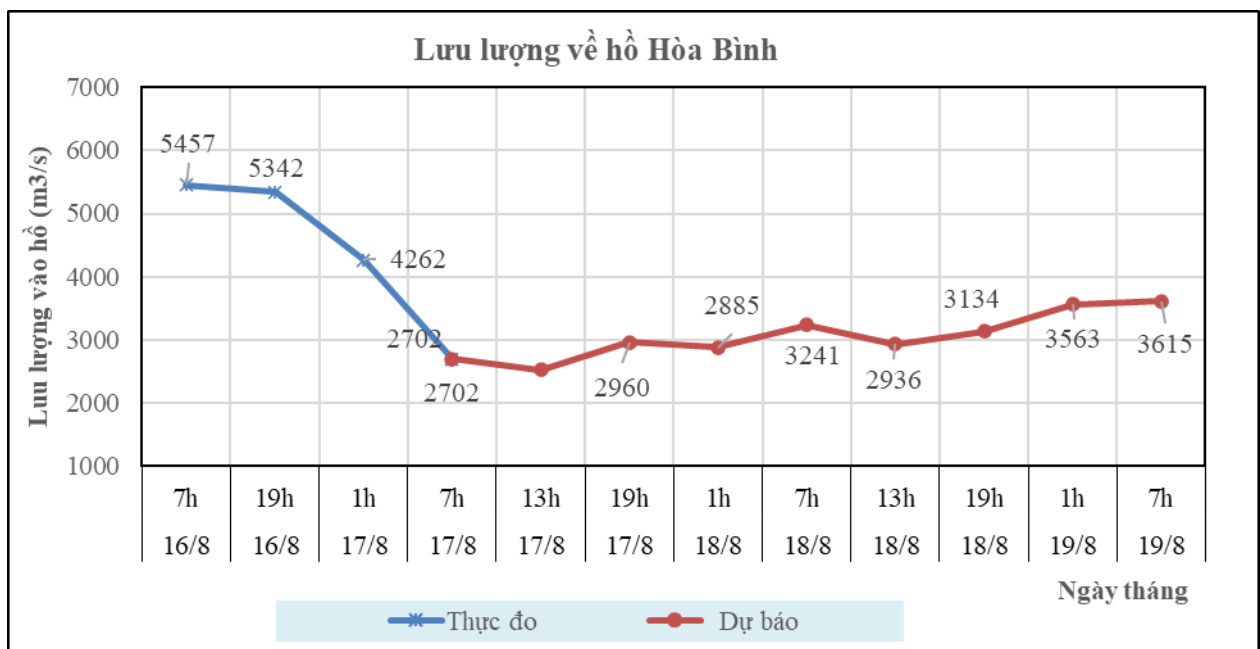
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

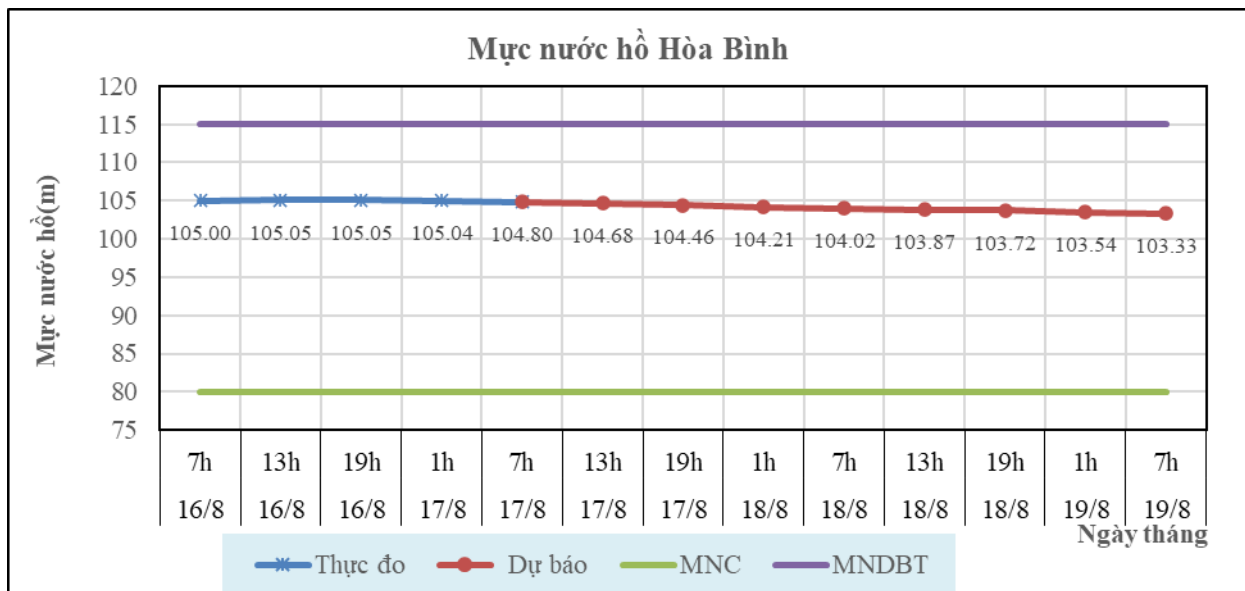
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 17/08/2025 đạt $2702\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 104,80m, lưu lượng có xu thế giảm, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $3241\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 104,02m, 48h tới lưu lượng đạt $3615\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 103,33m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

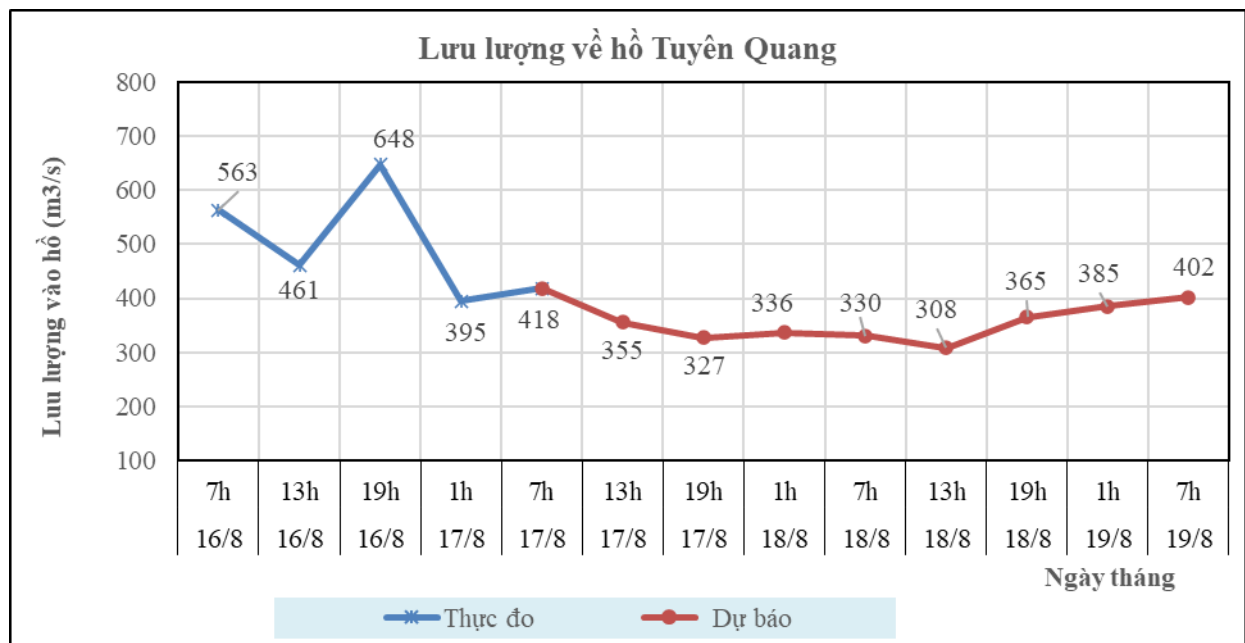
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

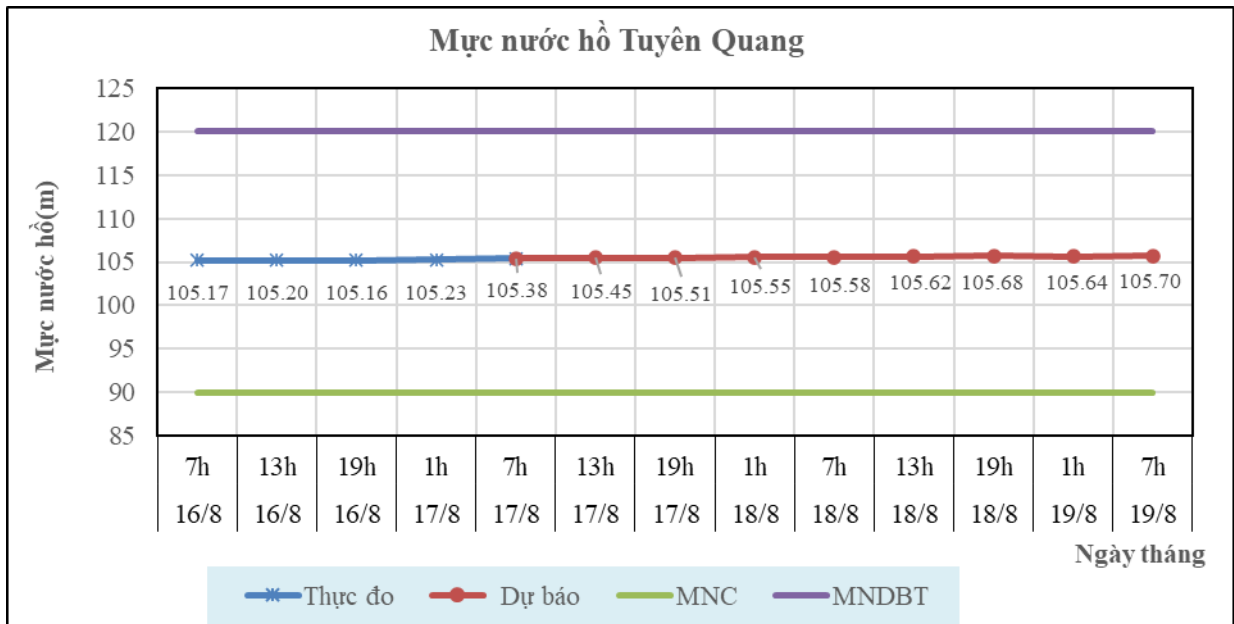
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 17/08/2025 đạt $418\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 105,38m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $330\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 105,58m, 48h tới lưu lượng đạt $402\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 105,70m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

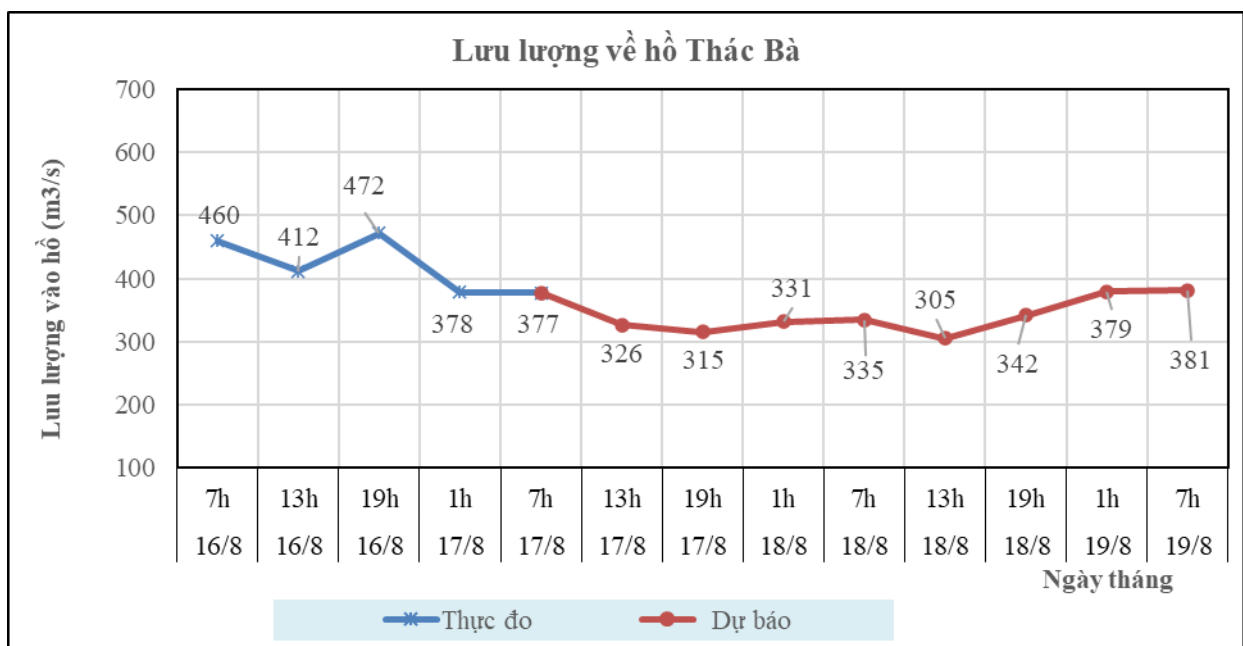
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

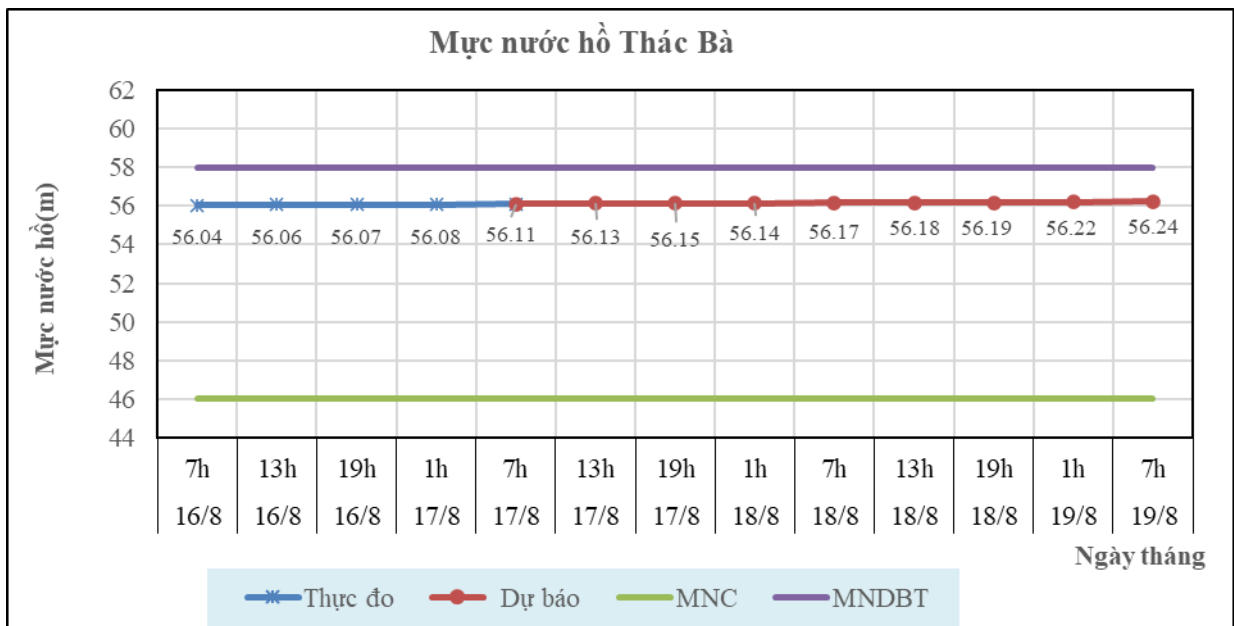
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 17/08/2025 đạt $377\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 56,11m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $335\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 56,17m, 48h tới lưu lượng đạt $381\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 56,24m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mực nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mực nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mực nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mực nước hồ (m)
1	8/17/2025	13h	0	0	2380	1800	198.59	2	0	2530	5265	104.68	0	0	355	150	105.45	0	0	326	64	56.13
2		19h	0	0	2231	1900	198.64	2	0	2960	5303	104.46	0	0	327	130	105.51	0	0	315	439	56.15
3	8/18/2025	1h	0	0	2295	1870	198.68	2	0	2885	5300	104.21	0	0	336	139	105.55	0	0	331	100	56.14
4		7h	0	0	2256	1930	198.71	2	0	3241	5325	104.02	0	0	330	146	105.58	0	0	335	87	56.17
5		13h	0	0	2178	1955	198.74	2	0	2936	5280	103.87	0	0	308	131	105.62	0	0	305	325	56.18
6		19h	0	0	2242	1870	198.77	2	0	3134	5275	103.72	0	0	365	138	105.68	0	0	342	81	56.19
7	8/19/2025	1h	0	0	2287	1850	198.81	2	0	3563	5345	103.54	0	0	385	149	105.64	0	0	379	77	56.22
8		7h	0	0	2264	1888	198.86	2	0	3615	5350	103.33	0	0	402	159	105.70	0	0	381	105	56.24